

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2024/TLST- HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị K, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 60/12 Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 16 B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 60/12 Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Thế V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/9/2009 (số 102/2009). Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn sự tin tưởng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và kéo dài. Ông, bà sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay bà Ngô Thị K xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Thế V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông V.

Về con chung: Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Thế V có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia G, sinh ngày 30/10/2011; nguyện vọng của bà K được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Thế V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Thế V tham gia tố tụng nhưng bị đơn không tham gia tố tụng và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Thế V hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết ly hôn cho bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Thế V; giao cháu Nguyễn Gia K và cháu Nguyễn Gia G cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Ly hôn, con chung*”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và họp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, bà Ngô Thị K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thế V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà K và ông V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 10/12/2024 (bút lục 32) thể hiện: “*Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà K do bất đồng quan điểm, không có tiếng*

nói chung và không hòa hợp”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V, ông V không tham gia tố tụng thể hiện việc không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông V đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung:

Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Thế V có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia G, sinh ngày 30/10/2011. Xét yêu cầu của bà K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và cháu G nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị K được ly hôn đối với ông Nguyễn Thế V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia G, sinh ngày 30/10/2011 cho bà Ngô Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

Biên lai số AA/2023/0013549 ngày 20/9/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng